

## THÔNG BÁO

### Tuyển dụng công chức (cấp tỉnh, cấp huyện) tỉnh Hà Giang năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 10/7/2023 của UBND tỉnh về tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện tỉnh Hà Giang năm 2023;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thông báo tuyển dụng công chức (cấp tỉnh, cấp huyện) tỉnh Hà Giang năm 2023 như sau:

#### I. SỐ LƯỢNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CẦN TUYỂN ỨNG VỚI TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Tổng số lượng biên chế công chức cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm: **58 chỉ tiêu** (chi tiết số lượng vị trí việc làm, chỉ tiêu và yêu cầu về trình độ, chuyên ngành đào tạo cần tuyển dụng có phụ lục I kèm theo).

Trong đó:

- Chỉ tiêu thi tuyển công chức: 56 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu xét tuyển công chức: 02 chỉ tiêu.

Lưu ý:

- Đối với vị trí việc làm có yêu cầu trình độ đại học trở lên. Nếu người dự tuyển có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ... thì người dự tuyển phải thực hiện tuyển dụng ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Sau khi trúng tuyển sẽ được xếp lương ở trình độ đào tạo.

- Các vị trí việc làm chỉ yêu cầu tuyển một trong các trình độ như thạc sĩ, đại học: Nếu người dự tuyển có trình độ cao hơn mà tự nguyện đăng ký tuyển vào vị trí việc làm đó thì người dự tuyển phải thực hiện tuyển dụng ở trình độ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Khi trúng tuyển chỉ xếp lương ở trình độ tương ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển (không xếp lương theo trình độ đào tạo cao hơn).

#### II. ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ VÀ ƯU TIÊN TUYỂN DỤNG

##### 1. Đối tượng

1.1. Đối với xét tuyển công chức: Sinh viên cử tuyển của tỉnh theo quy định của Luật Giáo dục và Nghị định số 141/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

1.2. Đối với thi tuyển công chức: Những người đủ điều kiện đăng ký tuyển dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức.

##### 2. Điều kiện đăng ký tuyển dụng

2.1. Điều kiện chung:



Những người có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức (theo quy định tại khoản 1, Điều 36 Luật Cán bộ, công chức), như sau:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển. Cụ thể:
  - Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;
  - Về trình độ tin học, ngoại ngữ: Đối với vị trí Chuyên viên và tương đương phải có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

2.2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Không cư trú tại Việt Nam;
- b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

### 3. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức

3.1. Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

3.2. Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng lực lượng vũ trang, con Anh hùng lao động: Được cộng 05 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

3.3. Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả vòng 2;

Trường hợp người dự tuyển công chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.



### III. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG

**1. Xét tuyển công chức** (áp dụng cho đối tượng là sinh viên cử tuyển tại tiểu mục 1.1, mục 1 phần II Thông báo này)

1.1. Nội dung xét tuyển được thực hiện theo 02 vòng như sau:

a) Vòng 1: Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2;

b) Vòng 2: Phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Thời gian phỏng vấn 30 phút (thí sinh dự tuyển có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn).

1.2. Cách tính điểm:

a) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100;

b) Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm phỏng vấn và điểm ưu tiên tại mục 3 phần II Thông báo này (nếu có);

c) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.

1.3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức:

Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm phỏng vấn tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng điểm ưu tiên (nếu có, theo nội dung mục 3 phần II Thông báo này) cao hơn, lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm;

c) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch UBND tỉnh quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

**2. Thi tuyển công chức** (áp dụng cho đối tượng tại tiểu mục 1.2, mục 1 phần II Thông báo này)

2.1. Nội dung thi tuyển được thực hiện theo 02 vòng như sau:

a) Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung.

- Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

- Nội dung thi gồm 2 phần với thời gian thi như sau:

+ Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút;



+ Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi về tiếng Anh; thời gian thi 30 phút.

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành.

- Hình thức thi: Kết hợp phỏng vấn và viết.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi:

+ Thi phỏng vấn 30 phút (*trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị*);

+ Thi viết 180 phút (*không kể thời gian chép đề*).

- Thang điểm: 100 điểm (*tỷ lệ điểm phỏng vấn và viết do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng phải bảo đảm có tổng là 100 điểm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định 138/2020/NĐ-CP*).

2.2. Miễn thi ngoại ngữ:

Miễn thi ngoại ngữ (*vòng 1*) đối với các trường hợp sau:

a) Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

b) Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

c) Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

2.3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức

Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên (*chỉ xét trong trường hợp thí sinh đã dự thi đủ cả phần thi phỏng vấn và phần thi viết*).

b) Có điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (*nếu có, theo nội dung mục 3 phần II Thông báo này*) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (*nếu có*) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định người trúng tuyển.



Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

#### **IV. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, HỒ SƠ DỰ TUYỂN**

##### **1. Phiếu đăng ký dự tuyển:**

a) Người đăng ký thi tuyển công chức hoặc đăng ký xét tuyển thuộc đối tượng sinh viên cử tuyển phải nộp 01 (một) bộ hồ sơ, gồm các thành phần sau:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định số 138/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

b) Yêu cầu đối với việc nộp phiếu đăng ký dự tuyển.

- Mỗi thí sinh chỉ được đăng ký dự thi ở 01 vị trí dự tuyển và tự chịu trách nhiệm về tính trung thực của Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp thí sinh cố tình đăng ký dự thi từ 02 vị trí dự tuyển trở lên hoặc Phiếu đăng ký dự tuyển khai không trung thực thì bị xoá tên trong danh sách dự thi hoặc huỷ bỏ kết quả thi.

- Thí sinh không được bổ sung các giấy tờ xác nhận chế độ ưu tiên sau khi đã công bố kết quả tuyển dụng.

*(Có mẫu Phiếu, Hướng dẫn kê khai phiếu đính kèm  
tại phụ lục II, III Thông báo này).*

2. Hồ sơ được hoàn thiện sau khi có kết quả trúng tuyển.

Hồ sơ đựng trong túi hồ sơ kích thước 250 x 340 x 5mm, gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định huỷ bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Sở Nội vụ thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.



## V. THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM NỘP PHIẾU ĐĂNG KÝ, HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ PHÍ DỰ TUYỂN

1. Thời hạn nộp Phiếu, hồ sơ đăng ký dự tuyển: 30 ngày, kể từ ngày 11/7/2023 đến hết ngày 11/8/2023 (giờ hành chính, các ngày làm việc trong tuần).

### 2. Địa điểm nộp Phiếu, hồ sơ đăng ký và phí dự tuyển

Người dự tuyển đăng ký dự tuyển vào cơ quan, đơn vị nào thì nộp Phiếu, hồ sơ đăng ký dự tuyển và phí tuyển dụng tại cơ quan, đơn vị đó, cụ thể như sau:

2.1. Người dự tuyển đăng ký tuyển dụng vào các Sở, ngành tỉnh: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (địa chỉ: Số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang), hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>.

2.2. Người dự tuyển đăng ký tuyển dụng vào các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các huyện, thành phố: Nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>.

#### Lưu ý:

- Cách thức nộp hồ sơ trực tuyến mức độ 4: Người đăng ký dự tuyển gửi Phiếu đăng ký dự tuyển theo hướng dẫn tại Cổng dịch vụ công tỉnh Hà Giang (<https://dichvucong.hagiang.gov.vn>, mục «Trợ giúp»);

- Tiêu chuẩn Phiếu đăng ký dự tuyển là văn bản điện tử được ký số hoặc văn bản được chứng thực điện tử quy định tại các thủ tục hành chính: Thi tuyển công chức (1.005384); Xét tuyển công chức (2.002156) theo Quyết định số 513/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa và phê duyệt tái cấu trúc chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu điện tử thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến của ngành Nội vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

### 3. Phí tuyển dụng

Người dự tuyển có đủ điều kiện dự tuyển, nộp phí dự tuyển theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức: Mức thu 500.000 đồng/thí sinh (nộp cùng Phiếu đăng ký tuyển dụng công chức).

4. Không trả lại Phiếu, hồ sơ đăng ký dự tuyển và phí dự tuyển nếu người dự tuyển không trúng tuyển.

### 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

5.1. Các Sở, ngành thuộc tỉnh và UBND các huyện, thành phố có nhu cầu tuyển dụng:

a) Thực hiện đăng tải các thủ tục hành chính (thi tuyển công chức; xét tuyển công chức) lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của cơ quan, đơn vị mình và cử công chức thuộc cơ quan, đơn vị mình trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính



công của tỉnh (đối với các Sở, ngành); tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC thuộc Văn phòng HĐND và UBND các huyện, thành phố (đối với các huyện, thành phố), để tiếp nhận Phiếu, hồ sơ, phí dự tuyển của người đăng ký dự tuyển; đồng thời tổng hợp, lập danh sách những người có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển để nộp về Sở Nội vụ.

Công khai số điện thoại của công chức trực tiếp tiếp nhận thủ tục hành chính về tuyển dụng công chức để tư vấn, hỗ trợ người đăng ký dự tuyển.

b) Hết thời hạn tiếp nhận Phiếu, hồ sơ đăng ký và phí dự tuyển (nêu trên), các cơ quan, đơn vị tổng hợp Phiếu, hồ sơ đăng ký của người dự tuyển, danh sách những người có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển nộp về Sở Nội vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại địa chỉ: <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>.

Tiền phí đăng ký thi tuyển công chức: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp nộp vào tài khoản tiền gửi của Sở Nội vụ theo số tài khoản 3713.0.1023750.00000 Kho Bạc Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Giang (tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh), hoặc nộp tại Mục Hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính tại địa chỉ <http://dichvucong.hagiang.gov.vn>.

c) Hồ sơ và thời gian nộp về Sở Nội vụ:

- Hồ sơ gồm:

+ Công văn đề nghị của cơ quan, đơn vị (do người đứng đầu ký);

+ Phiếu, hồ sơ của người đăng ký dự tuyển;

+ Danh sách những người có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển (theo phụ lục số IV đính kèm Thông báo này).

+ Phiếu xác nhận đã nộp phí đăng ký thi tuyển vào tài khoản tiền gửi của Sở Nội vụ.

- Thời gian từ ngày 14/8/2023-18/8/2023 (giờ hành chính, các ngày làm việc trong tuần).

5.2. Sở Nội vụ có trách nhiệm thu, kiểm tra, tổng hợp Phiếu, hồ sơ và danh sách những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự tuyển của các cơ quan, đơn vị.

## VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC

1. Thời gian (dự kiến): Trong tháng 9/2023.

2. Địa điểm (dự kiến): Trường THPT Chuyên tỉnh Hà Giang.

Thông báo này được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử tỉnh; các cơ quan, đơn vị có nhu cầu tuyển dụng công chức năm 2023 có trách nhiệm niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị mình.

Mọi vướng mắc trong quá trình thực hiện, các cá nhân, cơ quan, đơn vị liên hệ về Phòng Tổ chức bộ máy biên chế và công chức viên chức thuộc Sở Nội vụ, số điện thoại 02193.862.447; vướng mắc liên quan đến việc đăng tải và thực hiện

Thủ tục hành chính về tuyển dụng công chức, liên hệ với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số điện thoại 02193.503888 (trong giờ hành chính) để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CVNCTH, Trung tâm TT-CB (để đăng Công TTĐT), Trung tâm PVHCC (để đăng Công dịch vụ công tỉnh và niêm yết tại Trung tâm);
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh (đưa tin);
- Sở Nội vụ (3b, niêm yết công khai tại trụ sở);
- Lưu: VT, NCPC.

*Handwritten mark*

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**





**PHỤ LỤC I**  
**CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2023**

(Kèm theo Thông báo số: **103** /TB-UBND ngày **11** tháng **7** năm 2023 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng số</b>	<b>58</b>				<b>2</b>	<b>56</b>
<b>1</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>	<b>8</b>					<b>8</b>
1.1	Quản lý Quy hoạch - Kế hoạch	1	Đại học	Ngành: Kinh tế nông nghiệp; Nông nghiệp	01.003		1
1.2	Tổ chức nhân sự, tổng hợp	1	Đại học	Ngành: Quản lý nhà nước; quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; quản lý công	01.003		1
1.3	Quản lý công trình thủy lợi và nước sạch nông thôn	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật cấp thoát nước; kỹ thuật tài nguyên nước	01.003		1
1.4	Quản lý giống và kỹ thuật chăn nuôi	1	Đại học	Ngành: Chăn nuôi; Thú Y	01.003		1
1.5	Kiểm lâm	3	Đại học	Ngành: Lâm học; Lâm sinh.	10.226		3
		1		Ngành: Quản lý tài nguyên rừng			1
<b>2</b>	<b>Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch</b>	<b>1</b>					<b>1</b>
2.1	Công nghệ thông tin	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin	01.003		1
<b>3</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>2</b>					<b>2</b>
3.1	Quản lý công nghệ thông tin	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính	01.003		1

9



STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8
3.2	Quản lý báo chí	1	Đại học	Ngành: Báo chí; Truyền thông đa phương tiện; truyền thông đại chúng; công nghệ truyền thông.	01.003		1
<b>4</b>	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>3</b>					<b>3</b>
4.1	Kiểm tra, thẩm định văn bản	2	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế	01.003		2
4.2	Phổ biến giáo dục pháp luật	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tố tụng dân sự; Luật hình sự và tố tụng hình sự; Luật kinh tế; Luật quốc tế	01.003		1
<b>5</b>	<b>Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh</b>	<b>2</b>					<b>2</b>
5.1	Theo dõi công tác văn hóa - xã hội	1	Đại học	Ngành: Luật; Công tác xã hội; Quản lý văn hoá	01.003		1
5.2	Hành chính, tổng hợp, văn phòng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng	01.003		1
<b>6</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>3</b>					<b>3</b>
6.1	Công nghệ thông tin	1	Đại học trở lên	Ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính; An toàn thông tin	01.003		1
6.2	Quản lý nghiệp vụ dược	1	Đại học trở lên	Ngành: Dược học; Hóa dược	01.003		1
6.3	Thông tin truyền thông về kế hoạch hóa gia đình	1	Đại học trở lên	Ngành: Công tác xã hội; Y khoa	01.003		1
<b>7</b>	<b>Sở Công Thương</b>	<b>3</b>					<b>3</b>
7.1	Quản trị công sở, công nghệ thông tin	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật máy tính.	01.003		1
7.2	Quản lý thương mại, dịch vụ, quản lý thương mại điện tử	1	Đại học	Ngành: Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Dịch vụ.	01.003		1



STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8
7.3	Quản lý Năng lượng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật điện	01.003		1
<b>8</b>	<b>Thanh tra</b>	<b>1</b>					<b>1</b>
8.1	Thanh tra kinh tế xã hội	1	Đại học	Ngành: Kế toán, Kiểm toán	01.003		1
<b>9</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>1</b>					<b>1</b>
9.1	Quản lý quy hoạch, kiến trúc - Quản lý nhà và thị trường bất động sản	1	Đại học	Ngành: Kiến trúc; Quy hoạch vùng và đô thị; Kiến trúc đô thị	01.003		1
<b>10</b>	<b>Sở Khoa học và Công nghệ</b>	<b>1</b>					<b>1</b>
10.1	Hành chính - văn phòng	1	Đại học	Ngành: Quản trị văn phòng; Quản trị nhân lực; Quản lý công, Quản lý nhà nước.	01.003		1
<b>11</b>	<b>Sở Tài chính</b>	<b>2</b>					<b>2</b>
11.1	Quản lý dự án đầu tư	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kinh tế xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	01.003		1
11.2	Quản lý Tài chính hành chính sự nghiệp	1	Đại học	Ngành: Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	01.003		1
<b>12</b>	<b>Sở Ngoại vụ</b>	<b>2</b>					<b>2</b>
12.1	Theo dõi công tác biên giới	1	Đại học	Ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ Trung Quốc; Luật quốc tế	01.003		1
12.2	Công tác người Việt Nam ở nước ngoài	1	Đại học	Ngành: Quan hệ quốc tế; Ngôn ngữ Anh; Luật quốc tế	01.003		1
<b>13</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>1</b>					<b>1</b>
13.1	Pháp chế	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật kinh tế; Quản lý công	01.003		1
<b>14</b>	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>3</b>					<b>3</b>
14.1	Quản lý nhân sự và đội ngũ	1	Đại học	Ngành: Quản trị nhân lực; Luật	01.003		1
14.2	Quản lý chính sách, đào tạo	1	Đại học	Ngành: Quản lý công; Quản lý nhà nước; Quản trị nhân lực; Kế toán	01.003		1
14.3	Cải cách hành chính	1	Đại học	Ngành: Luật; Quản lý nhà nước; Quản lý công	01.003		1
<b>15</b>	<b>UBND huyện Yên Minh</b>	<b>4</b>				<b>2</b>	<b>2</b>



STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8
15.1	Trợ giúp pháp lý, hoà giải cơ sở, thi hành pháp luật	1	Đại học	Ngành: Luật	01.003	1	
15.2	Quản lý xây dựng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng; Kinh tế xây dựng	01.003		1
15.3	Theo dõi chính sách dân tộc	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Xây dựng Cầu - Đường bộ	01.003	1	
15.4	Quản lý Tài chính - Ngân sách	1	Đại học	Ngành: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	01.003		1
<b>16</b>	<b>UBND huyện Bắc Mê</b>	<b>7</b>					<b>7</b>
16.1	Văn thư	1	Đại học trở lên	Ngành: Lưu trữ học; Quản lý nhà nước	01.003		1
16.2	Kế toán	1	Đại học trở lên	Ngành: Kế toán; Kiểm toán	06.031		1
16.3	Quản trị công sở, hành chính một cửa và công nghệ thông tin	1	Đại học trở lên	Ngành: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Kỹ thuật máy tính	01.003		1
16.4	Quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và Môi trường	2	Đại học trở lên	Ngành: Quản lý đất đai; Khoa học môi trường; quản lý tài nguyên và môi trường	01.003		2
16.5	Quản lý công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại	1	Đại học trở lên	Ngành: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng; Kinh doanh thương mại; Kỹ thuật điện; Quản lý Công nghiệp; Kinh tế công nghiệp	01.003		1
16.6	Theo dõi thi hành pháp luật và trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở	1	Đại học trở lên	Ngành: Luật; Luật dân sự và tố tụng dân sự	01.003		1
<b>17</b>	<b>UBND huyện Vị Xuyên</b>	<b>8</b>					<b>8</b>
17.1	Quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản và môi trường	1	Đại học	Ngành: Quản lý đất đai; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường	01.003		1
17.2	Hành chính tư pháp và kiểm soát văn bản, thủ tục hành chính	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật kinh tế	01.003		1
17.3	Quản lý về trồng trọt, bảo vệ thực vật, và chăn nuôi thú y	1	Đại học	Ngành: Khoa học cây trồng; Lâm học, Lâm sinh	01.003		1
		1	Đại học	Ngành: Chăn nuôi; Thú Y	01.003		1
17.4	Quản lý giao thông vận tải và xây dựng	1	Đại học	Ngành: Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	01.003		1



STT	Tên cơ quan, đơn vị/ vị trí việc làm	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ngành đào tạo	Mã ngạch	Chỉ tiêu xét tuyển sinh viên cử tuyển	Chỉ tiêu thi tuyển
1	2	3	4	5	6	7	8
17.5	Tổng hợp và xử lý đơn thư	1	Đại học	Ngành: Luật; Luật Hiến pháp và luật hành chính; Luật dân sự và tổ tụng dân sự; Luật hình sự và tổ tụng hình sự.	01.003		1
17.6	Kế toán	2	Đại học	Ngành: Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	06.031		2
18	<b>UBND huyện Bắc Quang</b>	1					1
18.1	Quản lý văn hoá, du lịch, gia đình và thông tin cơ sở	1	Đại học	Ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật máy tính; Văn hoá học; Báo chí	01.003		1
19	<b>UBND huyện Hoàng Su Phì</b>	3					3
19.1	Theo dõi công tác dân tộc	1	Đại học	Ngành: Tài chính - Ngân hàng; Luật.	01.003		1
19.2	Quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, vệ sinh an toàn nông sản và xây dựng Nông thôn mới	1	Đại học	Ngành: Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn	01.003		1
19.3	Theo dõi thi hành pháp luật và trợ giúp pháp lý, hòa giải cơ sở	1	Đại học	Ngành: Luật; Ngành: Luật; Luật dân sự và tổ tụng dân sự	01.003		1
20	<b>UBND huyện Quang Bình</b>	2					2
20.1	Quản lý nông nghiệp, lâm nghiệp, vệ sinh an toàn nông sản và xây dựng Nông thôn mới	1	Đại học	Ngành: Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn	01.003		1
20.2	Quản lý tài chính, ngân sách và kế hoạch đầu tư	1	Đại học	Ngành: Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng	01.003		1

Ấn định danh sách có 58 chỉ tiêu./

*(Handwritten signature)*







**PHỤ LỤC II**

**MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

(Kèm theo Thông báo số 103.../TB-UBND ngày 11.../7.../2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN**

**Vị trí dự tuyển<sup>(1)</sup>:**

.....  
.....

**Đơn vị dự tuyển<sup>(2)</sup>:**

.....  
.....

(Dán ảnh 4x6)

**I. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam <sup>(3)</sup> Nữ

Dân tộc:..... Tôn giáo:.....

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân:..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp:.....

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:..... Ngày chính thức:.....

Số điện thoại di động để báo tin:..... Email:.....

Quê quán:.....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):.....

Tình trạng sức khỏe:....., Chiều cao:....., Cân nặng.....kg

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa:.....

Trình độ chuyên môn: .....

9



**II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH**

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, cơ quan, tổ chức công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội...

**III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bằng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

**IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Nếu có)**

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức công tác

**V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC**

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do: .....

Miễn thi tin học do: .....

**VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ**

(Thí sinh đăng ký thi ngoại ngữ Tiếng Anh theo yêu cầu tại Thông báo tuyển dụng)

- Đăng ký dự thi ngoại ngữ: .....

**VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)**

.....

.....

**VIII. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG**

.....

.....

✓



Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

**NGƯỜI VIẾT PHIẾU**

*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....

**Ghi chú:**

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chi tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.

✓



Handwritten text in red ink, possibly a date or page number, located on the right edge of the page.

Handwritten text at the bottom left of the page, possibly a page number or date.

Handwritten text at the bottom right of the page, possibly a page number or date.

### Phụ lục III

## HƯỚNG DẪN KHAI PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN CÔNG CHỨC TỈNH HÀ GIANG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 103 /TB-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023)

- Mục Vị trí dự tuyển: Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển theo Phụ lục I;
- Mục Đơn vị dự tuyển: Ghi đúng tên cơ quan, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng.
- Mục THÔNG TIN CÁ NHÂN
  - + Mục 1: Thí sinh ghi rõ họ tên chữ in hoa.
  - + Mục 2: Dân tộc ghi theo đúng dân tộc trên giấy khai sinh.
  - + Mục 3: Chỉ chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân của thí sinh tham gia tuyển dụng.
  - + Mục 5: Ghi rõ số điện thoại liên hệ và email (nếu có) của thí sinh.
  - + Mục 6: Thí sinh ghi rõ: tên của xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
  - + Mục 7: Thí sinh ghi rõ: tên tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản...), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
  - + Mục 8: Thí sinh phải ghi rõ địa chỉ: Ghi rõ số nhà, đường phố, tổ dân phố (làng, xóm, thôn, bản...), xã (phường, thị trấn), huyện (quận, thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
  - + Mục 10: Thành phần bản thân: Thí sinh ghi rõ công nhân, nông dân, nhân viên, thợ thủ công, bộ đội, nhà văn, nhà báo, chủ doanh nghiệp...; nếu sống phụ thuộc gia đình thì ghi là học sinh, sinh viên hoặc chưa có việc làm.
- Mục THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH: Thí sinh ghi đầy đủ thông tin của cha, mẹ, anh, chị, em ruột và thông tin của vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi.
- Mục THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO: Thí sinh dự tuyển phải ghi đúng những thông tin ghi trên văn bằng, chứng chỉ vào bảng “Thông tin về quá trình đào tạo” tại mục này (lưu ý khi kê khai đối với vị trí tuyển dụng), những trường hợp ghi sai thông tin trên văn bằng, chứng chỉ thì kết quả tuyển dụng công chức sẽ bị hủy bỏ. Thí sinh ghi văn bằng trước, chứng chỉ sau.
  - + Cột (3) Trình độ văn bằng/chứng chỉ: Thí sinh ghi trình độ đào tạo như sau: Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân, Kỹ sư..../Chứng chỉ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, Chứng chỉ tin học văn phòng.....; Chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chứng chỉ Anh B...
  - + Cột (4) Số hiệu văn bằng, chứng chỉ: Ghi cụ thể số hiệu bằng được ghi trên bằng



tốt nghiệp, số hiệu chứng chỉ được ghi trên chứng chỉ.

+ Cột (5) Chuyên ngành đào tạo và cột (6) ngành đào tạo: Thí sinh ghi chuyên ngành và ngành đào tạo theo bảng điểm. Trường hợp bảng điểm không ghi chuyên ngành mà chỉ ghi ngành thì thí sinh chỉ ghi ngành vào cột (6).

+ Cột (7) Hình thức đào tạo: Thí sinh ghi Chính quy, tại chức, chuyên tu, bồi dưỡng ...

+ Cột (8) Xếp loại bằng/chứng chỉ: thí sinh ghi: Giỏi, Khá, Trung bình.....

- Mục MIỄN THI NGOẠI NGỮ: Những thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ ghi rõ lý do miễn thi ở mục này. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ khi có một trong các điều kiện sau (*ghi rõ trong phiếu thuộc trường hợp nào*):

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

- Mục ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ (đối với thí sinh tham dự thi tuyển): Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi ngoại ngữ tiếng Anh theo Thông báo dự thi. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này.

- Mục ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN: Ghi đúng đối tượng ưu tiên, ngày cấp Giấy chứng nhận ưu tiên theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, bao gồm:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2



Trường hợp người dự thi tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên theo quy định thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi hoặc xét tại vòng 2.

Đối với các trường hợp ưu tiên là con của liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học thì thẻ thương binh, bệnh binh, giấy chứng nhận của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, bằng tổ quốc ghi công đối với liệt sĩ của cha hoặc mẹ của thí sinh dự tuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp phải trước thời điểm hết hạn nhận phiếu đăng ký dự thi (xét) tuyển. Nếu thời điểm cấp những tài liệu ưu tiên nêu trên do cơ quan có thẩm quyền cấp sau thời điểm hết thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển thì không được cộng điểm ưu tiên theo quy định.

**Lưu ý:**

- Người dự tuyển phải cam kết những thông tin đã khai trên phiếu là đúng sự thật, trường hợp khai sai thì kết quả tuyển dụng sẽ bị hủy bỏ và người dự tuyển phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Thí sinh phải kê khai đối tượng ưu tiên trong Phiếu đăng ký dự tuyển và nộp giấy xác định đối tượng ưu tiên (nếu có) nêu trên cùng với Phiếu đăng ký dự tuyển, nếu không kê khai và không nộp giấy xác nhận ưu tiên trong thời hạn quy định sẽ không được xem xét ưu tiên trong tuyển dụng.

- **Người viết phiếu phải kí tên trên từng trang của phiếu đăng ký dự tuyển.**









TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**PHỤ LỤC IV  
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC.....**

*((Ban hành kèm theo Thông báo số 103/TB-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện năm 2023))*

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú hiện nay	Bảng cấp chuyên môn				Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký tuyển dụng	Thuộc đối tượng sinh viên cử tuyển	Đối tượng ưu tiên (nếu có)	Địa chỉ liên hệ; số điện thoại (ghi đúng theo phiếu đăng ký dự tuyển)	Ghi Chú
							Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Tên trường đào tạo						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

*Ấn định danh sách có .... người./*

9

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

.....

.....



